

Ngày thi: 04/08/2013

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	1827263001	Bùi Quang Tuấn	Anh	B18KDN1	5		5		8.5				5.2	6.0	Sáu		
2	1827263003	Lê Việt	Anh	B18KDN1	10		7		8.5				8.7	8.6	Tám phẩy Sáu		
3	1826263004	Nguyễn Hoàng Diệu	Anh	B18KDN1	8		8		8				0	0.0	Không	V	
4	1826263005	Trần Nữ Ngọc	Anh	B18KDN1	7		7.5		6.5				7	6.9	Sáu phẩy Chín		
5	1826263007	Phạm Ngọc	Ánh	B18KDN1	5		7.5		8				5.2	6.1	Sáu phẩy Một		
6	1826263014	Lê Thị Mỹ	Dung	B18KDN1	7		8		7				8.9	8.1	Tám phẩy Một		
7	1826263015	Lưu Đình Thùy	Dung	B18KDN1	10		7		8.5				8.7	8.6	Tám phẩy Sáu		
8	1827263016	Nguyễn Thiện	Duy	B18KDN1	3		5		6				5.2	5.2	Năm phẩy Hai		
9	1826263017	Nguyễn Thị Phương	Duyên	B18KDN1	10		7.5		8				6.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
10	1826263018	Nguyễn Thị	Đào	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
11	1827263019	Bùi Công	Đạt	B18KDN1	10		7		8.5				8.5	8.5	Tám phẩy Năm		
12	1826263021	Nguyễn Thị Thùy	Giang	B18KDN1	3		8.5		7				5.2	5.8	Năm phẩy Tám		
13	1826263022	Nguyễn Thị Ngọc	Giao	B18KDN1	5		8		7				6.8	6.8	Sáu phẩy Tám		
14	1826263024	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	B18KDN1	5		8		7.5				7.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
15	1826263026	Kiều Thị	Hạnh	B18KDN1	5		8		7				0	0.0	Không	V	
16	1826263028	Hoàng Thị Ngọc	Hiền	B18KDN1	3		8		6				5.2	5.5	Năm phẩy Năm		
17	1826263033	Trần Thị	Hồng	B18KDN1	10		6.5		6.5				5.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
18	1827263035	Hoàng Đặng Quang	Huy	B18KDN1	10		7.5		8				5.6	6.8	Sáu phẩy Tám		
19	1826263036	Đặng Thị	Hương	B18KDN1	10		7		6.5				8.8	8.2	Tám phẩy Hai		
20	1827263037	Nguyễn Trọng	Hương	B18KDN1	7		7		8.5				7.8	7.8	Bảy phẩy Tám		
21	1827263039	Hoàng Trọng	Kha	B18KDN1	3		5		6				3.8	0.0	Không		
22	1827263041	Hoàng Quốc	Khánh	B18KDN1	7		8.5		7				7	7.2	Bảy phẩy Hai		
23	1826263046	Nguyễn Thị Minh	Loan	B18KDN1	10		8		7.5				8.9	8.6	Tám phẩy Sáu		
24	1826263387	Trần Thị Ngọc	Loan	B18KDN1	10		8.5		7				6.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
25	1827263047	Nguyễn Phước	Long	B18KDN1	7		8		8.5				6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
26	1827263050	Nguyễn Thị Khánh	Ly	B18KDN1	10		8.5		7				8.3	8.2	Tám phẩy Hai		
27	1826263051	Phan Thị Kha	Ly	B18KDN1	10		7		8				6	7.0	Bảy		
28	1826263055	Nguyễn Thị Quỳnh	Na	B18KDN1	7		8		8				8.1	8.0	Tám		
29	1826243174	Nguyễn Thị Thanh	Nga	B18KDN1	7		8		7.5				7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn		
30	1826263068	Nguyễn Thị Ý	Nhi	B18KDN1	5		7.5		8				4.6	5.8	Năm phẩy Tám		
31	1826263083	Lê Thị Hoa	Phượng	B18KDN1	5		6		8				5.8	6.3	Sáu phẩy Ba		
32	1826263087	Nguyễn Lê	Quỳnh	B18KDN1	5		8.5		8				6.4	6.9	Sáu phẩy Chín		
33	1826263088	Phan Thị	Quỳnh	B18KDN1	7		8		6.5				8.6	7.9	Bảy phẩy Chín		
34	1827263094	Nguyễn Lâm Huy	Thành	B18KDN1	3		5		6				4.7	4.9	Bốn phẩy Chín		
35	1826263095	Ngô Thị Phương	Thảo	B18KDN1	10		8.5		7				7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu		
36	1826263097	Trương Thị Phương	Thảo	B18KDN1	7		9		8				6.4	7.1	Bảy phẩy Một		
37	1826263098	Phạm Thị	Thắm	B18KDN1	10		8		6.5				6.4	6.9	Sáu phẩy Chín		
38	1826263100	Phạm Thị Kim	Thoa	B18KDN1	7		7.5		8.5				5.8	6.8	Sáu phẩy Tám		
39	1826263101	Phan Thị Vi	Thoa	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
40	1826263105	Nguyễn Thị Thanh	Trà	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
41	1826263106	Dương Thị Quỳnh	Trang	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
42	1826263107	Hồ Thị Thu	Trang	B18KDN1	3		5.5		8				3.3	0.0	Không		
43	1826263108	Lê Thị Mai	Trang	B18KDN1	7		7		8				5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu		

Ngày thi: 04/08/2013

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
44	1826263115	Hoàng Lê Ngọc	Trần	B18KDN1	5		8.5		8				6.8	7.1	Bảy phẩy Một		
45	1827263118	Trương Lê	Văn	B18KDN1	10		7.5		7				8.9	8.4	Tám phẩy Bốn		
46	1827263122	Lê Hoàng	Vũ	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
47	1826713379	Nguyễn Thị Thanh	Vui	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
48	1827263123	Huỳnh Quốc	Vương	B18KDN1	7		8		7				6.1	6.6	Sáu phẩy Sáu		
49	1826263124	Ngô Thị Tường	Vy	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
50	1826263125	Đậu Thị	Yến	B18KDN1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
51	1826263384	Hoàng Thị Đông	An	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
52	1826263002	Đinh Thị Tú	Anh	B18KDN2	5		7		6				8.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
53	1826263009	Dương Thị Thanh	Bình	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
54	1826263025	Nguyễn Thị Thu	Hà	B18KDN2	10		9		8.5				7.4	8.1	Tám phẩy Một		
55	1826263027	Nguyễn Thị	Hạnh	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
56	1826713322	Nguyễn Lê Mai	Hiền	B18KDN2	5		8.5		7.5				4.7	5.8	Năm phẩy Tám		
57	1826263030	Võ Thị Thu	Hiền	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
58	1826263031	Nguyễn Thị	Hoài	B18KDN2	10		7		8				7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
59	1827263042	Nguyễn Bình	Khiêm	B18KDN2	10		7.5		8.5				8.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
60	1826713330	Nguyễn Thị Thanh	Lan	B18KDN2	10		7		9				6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
61	1826263045	Nguyễn Thị Thùy	Linh	B18KDN2	3		8		7.5				7.2	6.9	Sáu phẩy Chín		
62	1826263049	Bùi Đặng Cẩm	Ly	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
63	1826263053	Đoàn Thị Tuyết	Mai	B18KDN2	10		6.5		8				6	7.0	Bảy		
64	1826213256	Nguyễn Thị Bích	Mai	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
65	1826263061	Nguyễn Thị Như	Ngọc	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
66	1826263062	Bùi Thị	Nguyệt	B18KDN2	3		6.5		7.5				5.4	5.8	Năm phẩy Tám		
67	1826263063	Vũ Thị	Nhài	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
68	1826263064	Đặng Thị Thanh	Nhàn	B18KDN2	10		8		8.5				7.9	8.3	Tám phẩy Ba		
69	1826263065	Phan Dương Thanh	Nhàn	B18KDN2	10		7		8				7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
70	1826263067	Nguyễn Thị Minh	Nhật	B18KDN2	10		8		8.5				6.2	7.3	Bảy phẩy Ba		
71	1826263070	Hoàng Thị	Nhung	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
72	1826263071	Võ Thị Hồng	Nhung	B18KDN2	3		8		6				6.6	6.2	Sáu phẩy Hai		
73	1826263072	Hồ Thiện Quỳnh	Như	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
74	1826263073	Lê Thị	Ninh	B18KDN2	10		9		8.5				7.8	8.3	Tám phẩy Ba		
75	1826263075	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	B18KDN2	10		8		8.5				8.1	8.4	Tám phẩy Bốn		
76	172354240	Trần Hoàng	Oanh	B18KDN2	3		6.5		7.5				5.8	6.0	Sáu		
77	1826263076	Trần Kiều	Oanh	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
78	1827263078	Nguyễn Hữu	Phước	B18KDN2	10		10		9				7.6	8.4	Tám phẩy Bốn		
79	1826263080	Bùi Mai	Phương	B18KDN2	10		7		8.5				7.4	7.9	Bảy phẩy Chín		
80	1826263081	Lữ Thị Hoài	Phương	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
81	1826263082	Nguyễn Vĩnh	Phương	B18KDN2	10		10		8				8.1	8.5	Tám phẩy Năm		
82	1826263086	Huỳnh Thị Tú	Quỳnh	B18KDN2	10		6		8				8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
83	1826263089	Trần Thị	Quỳnh	B18KDN2	5		7.5		8				6.4	6.8	Sáu phẩy Tám		
84	1826263091	Nguyễn Thị Thanh	Sang	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
85	1826263092	Nguyễn Thị Hồng	Soa	B18KDN2	3		7		8				7	6.9	Sáu phẩy Chín		
86	1826263093	Đỗ Thị Minh	Tâm	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B18KDN												ĐỢT HỌC		3
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH 1												TÍN CHỈ		3
MÃ HỌC PHẦN : FIN301																LẦN THI		1
Ngày thi: 04/08/2013																		
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ				
				10		10		25				55	100					
87	1826263102	Lê Thị Hòa Thuận	B18KDN2	3		7		7.5				6.6	6.5	Sáu phẩy Năm				
88	162350511	Lê Thị Thùy	B18KDN2	10		5		8				8.3	8.1	Tám phẩy Một				
89	1826263103	Phạm Thị Thủy	B18KDN2	7		8		9				5.4	6.7	Sáu phẩy Bảy				
90	1826263104	Đỗ Xuân Diễm	B18KDN2	10		7		8.5				5.8	7.0	Bảy				
91	1826263109	Mai Thị Hồng	B18KDN2	10		9		9				8.3	8.7	Tám phẩy Bảy				
92	1826263111	Nguyễn Thị Huyền	B18KDN2	0		0		0				0	0.0	Không	HP			
93	1826263112	Nguyễn Thị Quỳnh	B18KDN2	5		6.5		9				7.1	7.3	Bảy phẩy Ba				
94	1826713372	Nguyễn Thị Thùy	B18KDN2	10		7		9				8.7	8.7	Tám phẩy Bảy				
95	1826263113	Nguyễn Mai Huyền	B18KDN2	10		8		9				8.3	8.6	Tám phẩy Sáu				
96	1826263117	Trần Thị Tuyết	B18KDN2	10		7		9				6	7.3	Bảy phẩy Ba				
97	1826263119	Nguyễn Thị Vân	B18KDN2	10		9		8.5				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy				
98	1826263120	Trần Thị Vân	B18KDN2	7		6		7.5				7.4	7.2	Bảy phẩy Hai				
99	1826263121	Trần Thị Ánh	B18KDN2	3		6.5		7.5				6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn				
100	1826263390	Mai Thanh	B18KDN2	5		9		8				7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn				
101	1826713383	Phạm Thị Kim	B18KDN2	10		6		9				6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu				
102	1826243150	Nguyễn Thị Hồng	B18KDN2	3		8		7.5				5.6	6.1	Sáu phẩy Một				
103	1826243142	Đinh Thị Thúy Hạnh	B18KDN2	7		6		9				8.7	8.3	Tám phẩy Ba				
104	1826243172	Đỗ Thị Thúy Nga	B18KDN2	10		6		7.5				7.7	7.7	Bảy phẩy Bảy				

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	77	74%	
2	Số sinh viên nợ	27	26%	
TỔNG CỘNG :		104	100%	

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2013	
		PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH	
		(ký và ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Thị Kim Phượng	Phạm Hồng Phương	ThS. Hồ Hà Đông	ThS. Nguyễn Phi Sơn